

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF  
THE GLOBAL ADVISORY  
AND ACCOUNTING NETWORK

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-10
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	11
Báo cáo kiểm toán độc lập	12-13
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	14-55
Báo cáo thu nhập	14
Báo cáo tình hình tài chính	15-16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	17
Báo cáo danh mục đầu tư	18-19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	20-21
Thuyết minh báo cáo tài chính	22-55

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship ("Quỹ") trình bày báo cáo này và phê duyệt Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **QUỸ**

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 317/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 02 năm 2023. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

### **CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 9 năm 2024.

### **BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ**

Các thành viên của Ban đại diện trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Cedric Pierre Tinguely	Chủ tịch Ban đại diện
Ông: Nguyễn Cảnh Dương	Thành viên Ban đại diện
Bà: Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên Ban đại diện

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bạch Thế Phong	Giám đốc Đầu tư
Bà: Bùi Thị Trang Nhung	Giám đốc Đầu tư (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2025)
Ông: Hà Anh Tùng	Giám đốc Đầu tư (Miễn nhiệm ngày 26 tháng 06 năm 2025)

### **NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 17 tháng 06 năm 2022.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Quỹ.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

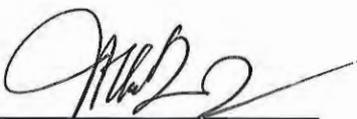
**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 về việc sửa đổi Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



**Đỗ Thị Thu Trang**

Thành viên Ban đại diện

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## **BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

### **1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

#### **1.1 . Mục tiêu của Quỹ**

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship (“Quỹ”) là tối ưu mức sinh lời trong dài hạn thông qua việc đầu tư linh hoạt và hiệu quả vào các công ty có mô hình kinh doanh bền vững và triển vọng tăng trưởng cao, cũng như các loại tài sản có định giá hấp dẫn theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

#### **1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tăng 128,94% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) của Quỹ tăng 24,32% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

#### **1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

##### **Chiến lược đầu tư**

- Quỹ xây dựng mục tiêu lợi nhuận cao thông qua việc đầu tư vào các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh, đang trong giai đoạn chuyển mình và các cơ hội thoái vốn của các doanh nghiệp Nhà nước;
- Quỹ tập trung vào các doanh nghiệp với doanh thu cao hoặc có tăng trưởng lợi nhuận tối thiểu 15% so với kỳ trước;
- Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục theo định hướng của các ngành được hưởng lợi từ sự chuyển dịch của kinh tế vĩ mô và các chính sách, định hướng của nhà nước;
- Quỹ đầu vào công ty có hoạt động kinh doanh bền vững, định giá hấp dẫn và tỷ lệ cổ tức cao;
- Quỹ cũng định hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng các báo cáo phân tích cơ bản được cập nhật thường xuyên về doanh nghiệp trong danh mục cũng như các hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng đầu tư;
- Quỹ sử dụng chiến lược phân bổ tài sản chủ động hợp lý theo từng thời kỳ nhằm tối ưu hóa cơ hội tăng trưởng và giảm thiểu rủi ro.

##### **Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư**

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường. Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào nhưng không giới hạn ở những ngành nghề sau với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- |                                 |                                |
|---------------------------------|--------------------------------|
| - Tài chính - Ngân hàng;        | - Hàng tiêu dùng;              |
| - Thực phẩm - Nước giải khát;   | - Bảo hiểm;                    |
| - Vật liệu - Khai khoáng;       | - Hàng hóa công nghiệp;        |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản; | - Dược phẩm;                   |
| - Tiện ích công cộng;           | - Vận tải;                     |
| - Năng lượng;                   | - Dịch vụ;                     |
| - Bán lẻ;                       | - Dệt may - Thiết bị phụ tùng. |

##### **Các loại tài sản được phép đầu tư**

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**  
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - + Đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
  - + Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

**1.4 . Phân loại Quỹ**

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

**1.5 . Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

**1.6 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được thành lập ngày 14 tháng 02 năm 2023 theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

**1.7 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 314.775.968.600 VND, tương đương với 31.477.596,86 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ là 498.932.281.397 VND.

**1.8 . Chỉ số tham chiếu**

Không áp dụng.

**1.9 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**  
 Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

**1.10 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ**

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

**2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**

**2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ**

	31/12/2025 %	31/12/2024 %	31/12/2023 %
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	37,82%	17,61%	15,78%
2. Danh mục cổ phiếu	57,75%	81,87%	80,78%
3. Danh mục trái phiếu	3,92%	0,00%	0,00%
4. Tài sản khác	0,51%	0,52%	3,44%
	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

**2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024	Từ ngày 14/02/2023 đến ngày 31/12/2023
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	498.932.281.397	217.930.649.720	112.803.271.605
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	31.477.596,86	17.093.836,07	10.503.096,82
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ	VND	15.850	12.749	10.740
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	16.673	12.784	11.267
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	11.299	10.740	9.937
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	%	24,32%	18,71%	7,40%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)		7,23%	11,60%	1,61%
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)		17,09%	7,11%	5,79%
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	%	2,23%	2,37%	2,62%
Tốc độ vòng quay danh mục	%	70,41%	49,61%	65,96%

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**  
 Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

**2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ**

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ %	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm %
1 năm đến thời điểm báo cáo	24,32%	24,32%
3 năm đến thời điểm báo cáo	Không xác định	Không xác định
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	58,50%	17,35%

**2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ**

Thời kỳ	Năm 2025	Năm 2024	Từ ngày 14/02/2023 đến ngày 31/12/2023
Tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ (%) / 1 đơn vị CCQ	24,32%	18,71%	7,40%

**3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

**3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô**

Kinh tế năm 2025 tăng trưởng 8,02%, cao thứ hai trong giai đoạn 2011 - 2025 nhờ động lực chính từ dịch vụ và sản xuất công nghiệp.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước tháng 12 năm 2025 tăng 0,19% so với tháng trước, và tăng 3,31% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung năm 2025, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 475,04 tỷ USD, tăng 17,0% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 455,01 tỷ USD, tăng 19,4% so với cùng kỳ; cán cân thương mại xuất siêu ở mức 20,03 tỷ USD.

Đến năm 2025, tỷ giá trung tâm USD/VND ở mức 25.121 đồng, tăng ~ 3,32% so với đầu năm.

**3.2 Tình hình thị trường chứng khoán**

Kết thúc năm 2025, VNINDEX tăng 40%. Thị trường trải qua nhiều giai đoạn biến động rất mạnh trong năm. Sau nhịp sụt giảm mạnh vào tháng 4 sau thông tin về thuế đối ứng của Mỹ, thị trường chứng khoán Việt Nam đã liên tục tăng mạnh với thanh khoản kỉ lục. Yếu tố hỗ trợ cho thị trường trong giai đoạn này là thông tin về việc nâng hạng thị trường, mặt bằng lãi suất thấp và Chính phủ quyết tâm đạt mức tăng trưởng kinh tế cao. Bắt đầu từ giai đoạn cuối quý III, mặc dù điểm số của VNINDEX vẫn duy trì ở vùng rất cao, thị trường đã diễn biến rất phân hóa với việc mức tăng tập trung gần như toàn bộ vào các doanh nghiệp trong nhóm VinGroup trong khi hầu hết các nhóm ngành khác có mức độ điều chỉnh tương đối sâu từ vùng đỉnh.

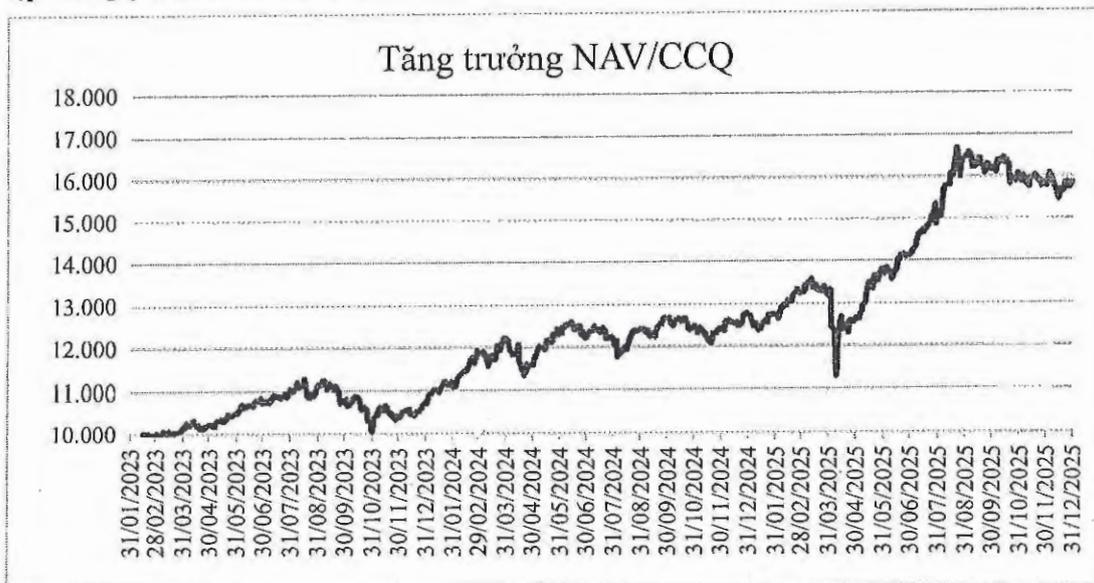
**4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**

**4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo %	3 năm đến thời điểm báo cáo %	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo %
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	17,09%	Không xác định	41,81%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	7,23%	Không xác định	16,69%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	24,32%	Không xác định	58,50%
Tăng trưởng hàng năm (%) / 1 đơn vị CCQ	24,32%	Không xác định	17,35%

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**  
 Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Biểu đồ tăng trưởng giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị Chứng chỉ quỹ hàng tháng của Quỹ từ khi thành lập đến ngày 31/12/2025 như sau:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	31/12/2025	31/12/2024	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	498.932.281.397	217.930.649.720	128,94%
Giá trị tài sản ròng/ 1 đơn vị CCQ	15.850	12.749	24,32%

**4.2 . Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị CCQ nắm giữ	Tỷ lệ năm giữ
Dưới 5.000	12.894	4.098.313,40	13,02%
Từ 5.000 đến 10.000	286	1.981.779,55	6,30%
Từ trên 10.000 đến 50.000	240	4.950.809,63	15,73%
Từ trên 50.000 đến 500.000	60	7.853.213,33	24,95%
Trên 500.000	5	12.593.480,95	40,01%
	<b>13.485</b>	<b>31.477.596,86</b>	<b>100%</b>

**5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

Các thông tin vĩ mô dự báo sẽ bớt tích cực so với năm 2025 khi mặt bằng lãi suất dự báo vẫn tiếp tục tăng ít nhất đến hết nửa đầu năm 2026 và sẽ duy trì ở vùng cao. Dự địa chính sách tiền tệ đã ít đi đáng kể khi tỷ lệ tín dụng/GDP vượt 146% và dự trữ ngoại hối ở mức thấp.

Do đó, mặc dù triển vọng tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp vẫn khá khả quan, khả năng thị trường sẽ khó duy trì được đà tăng trưởng mạnh liên tục như năm 2025 và các nhịp rung lắc điều chỉnh sẽ xuất hiện với tần suất nhiều hơn.

Về dài hạn, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn đang là kênh đầu tư hấp dẫn nhờ vào triển vọng tăng trưởng kinh tế bền vững và chu kì phát triển hạ tầng mới của Chính phủ. Quỹ sẽ tiếp tục tận dụng các nhịp điều chỉnh của thị trường để tích lũy các cổ phiếu chất lượng trong năm 2026.

**6 . THÔNG TIN KHÁC**

**Đội ngũ quản lý quỹ**

**Ông Bạch Thế Phong**  
*Giám đốc Đầu tư*

Ông Bạch Thế Phong có gần 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB vào năm 2015, ông từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tư vấn Đầu tư. Ông Phong là thành viên Hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2019.

**Bà Bùi Thị Trang Nhung**  
*Giám đốc Đầu tư*

Bà Bùi Thị Trang Nhung có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ MB từ năm 2015 với vị trí chuyên viên phân tích đầu tư cao cấp và trợ lý quản lý danh mục đầu tư, hiện bà Nhung phụ trách hoạch định, đề xuất chiến lược và giải pháp đầu tư. Bà Nhung là thành viên hiệp hội các nhà đầu tư phân tích tài chính (CFA Charter Holder) từ năm 2019.

**Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB**

**Ông Chu Hồng Kiên**  
*Tổng Giám đốc*

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

**Ông Giang Trung Kiên**  
*Phó Tổng Giám đốc*

Ông Giang Trung Kiên có trên 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

**Ban Đại diện Quỹ**

**Ông Cedric Pierre Tinguely**  
*Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ*

Ông Cedric Pierre Tinguely có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng tài chính và đầu tư. Ông Cedric làm việc tại Ngân hàng Paribas (Thụy Sĩ) trong thời gian từ 1994 - 2001 và gia nhập Bordier & Cie (Thụy Sĩ) kể từ 2001. Năm 2011, Ông Cedric được bổ nhiệm làm Giám đốc giao dịch và quản lý tài sản tại Bordier & Cie (Singapore) và hiện tại đang giữ chức vụ Giám đốc điều hành, phụ trách Quản lý danh mục đầu tư cấp cao.

**Ông Nguyễn Cảnh Dương**  
*Thành viên Ban Đại diện Quỹ*

Ông Nguyễn Cảnh Dương tốt nghiệp Cử nhân kế toán tại Đại học Kinh tế Quốc Dân. Ông Dương là đồng sáng lập của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn DCPA, đã trải qua hơn 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, trong đó có 5 năm công tác tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Ông Dương phụ trách nhiều khách hàng có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp nhà nước và các dự án phi chính phủ, đồng thời tham gia cung cấp dịch vụ kế toán và tư vấn quản trị với tư cách trưởng nhóm có nhiều tập đoàn đa quốc gia.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

**Bà Đỗ Thị Thu Trang**  
*Thành viên Ban Đại diện  
Quỹ*

Bà Đỗ Thị Thu Trang tốt nghiệp Cử nhân Luật học và Thạc sỹ Luật kinh tế tại Đại học Luật Hà Nội. Bà Trang từng đảm nhiệm công việc tư vấn pháp lý nội bộ; tư vấn về hoạt động đầu tư, giao dịch trên thị trường vốn; quản lý hoạt động pháp chế và tuân thủ tại các tổ chức như Ngân hàng TMCP Quân Đội, Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT, Công ty TNHH Tư vấn TekLaw, Công ty TNHH Tài chính MB Shinsei.



**Giang Trung Kiên**

Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ đầu tư tăng trưởng Bordier- MB Flagship ("Quỹ") cho năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Với sự hiểu biết của chúng tôi trong năm tài chính Quỹ đầu tư tăng trưởng Bordier-MB Flagship đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan: tại một số thời điểm cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có phát sinh sai lệch, cụ thể như sau:
  - Tại các kỳ định giá ngày 10/03/2025; ngày 14/04/2025; 15/04/2025; từ ngày 24/04/2025 đến ngày 29/04/2025; từ ngày 13/05/2025 đến ngày 23/05/2025; ngày 24/06/2025; từ ngày 02/07/2025 đến ngày 10/07/2025; từ ngày 21/07/2025 đến ngày 30/07/2025: tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Việc phát hành và giao dịch Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận.

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2026

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Mạnh Cường*

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Quỳnh Vân



Số: 020226.008 /BCTC.KT7

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban Đại diện  
Quý Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được lập ngày 02 tháng 02 năm 2026, từ trang 14 đến trang 55, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ*

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quý theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quý có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quý. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

**Đoàn Thị Thúy**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0937-2023-002-1

**BÁO CÁO THU NHẬP**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>65.626.226.667</b>	<b>30.058.604.216</b>
02	1.1 Cổ tức, trái tức được chia	3	6.636.609.589	5.321.341.463
03	1.2 Tiền lãi được nhận	4	2.643.487.681	1.091.433.793
04	1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	47.968.075.056	8.582.655.938
05	1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	8.378.054.341	15.063.173.022
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>548.487.034</b>	<b>202.081.626</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	548.487.034	202.081.626
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>6.940.732.201</b>	<b>3.888.973.128</b>
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		6.042.475.668	3.075.111.202
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		309.464.657	262.538.148
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		81.049.899	66.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		198.000.000	198.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		158.400.000	158.400.000
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		65.000.000	44.600.000
20.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	8	86.341.977	84.323.778
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>58.137.007.432</b>	<b>25.967.549.462</b>
<b>24</b>	<b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
<b>30</b>	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>58.137.007.432</b>	<b>25.967.549.462</b>
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		49.758.953.091	10.904.376.440
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		8.378.054.341	15.063.173.022
<b>40</b>	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")</b>		-	-
<b>41</b>	<b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>58.137.007.432</b>	<b>25.967.549.462</b>



Nguyễn Thị Sao Mai  
Người lập



Phạm Thị Thu Hương  
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	9	192.998.679.949	40.809.222.183
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		12.998.679.949	14.809.222.183
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		180.000.000.000	26.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	314.701.912.750	189.669.173.100
121	2.1 Các khoản đầu tư		314.701.912.750	189.669.173.100
121	2.1.1 Các khoản đầu tư cổ phiếu		294.678.770.750	189.669.173.100
121	2.1.2 Các khoản đầu tư trái phiếu		20.000.462.000	-
121	2.1.3 Quyền mua chứng khoán		22.680.000	-
130	3. Các khoản phải thu	11	2.589.544.201	1.208.132.876
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		968.530.500	-
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		1.621.013.701	1.208.132.876
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.621.013.701	1.208.132.876
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>510.290.136.900</b>	<b>231.686.528.159</b>
<b>Mã số</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>			
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
315	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	12	10.155.814.669	13.285.296.360
316	2. Chi phí phải trả	13	32.500.000	22.500.000
317	3. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	14	331.036.007	68.072.569
318	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	15	32.059.444	12.613.374
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	16	806.445.383	367.396.136
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.357.855.503</b>	<b>13.755.878.439</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THẺ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b>	<b>17</b>	<b>498.932.281.397</b>	<b>217.930.649.720</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		314.775.968.600	170.938.360.700
412	1.1 Vốn góp phát hành		518.305.810.500	214.194.926.800
413	1.2 Vốn góp mua lại		(203.529.841.900)	(43.256.566.100)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		93.330.467.730	14.303.451.385
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	18	90.825.845.067	32.688.837.635
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>		<b>15.850</b>	<b>12.749</b>

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	22	31.477.596,86	17.093.836,07

Nguyễn Thị Sao Mai  
Người lập

Phạm Thị Thu Hương  
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	217.930.649.720	112.803.271.605
II.	Thay đổi NAV trong năm	58.137.007.432	25.967.549.462
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm	58.137.007.432	25.967.549.462
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho nhà đầu tư trong năm	-	-
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1-III.2)	222.864.624.245	79.159.828.653
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	462.049.989.636	125.028.212.860
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	239.185.365.391	45.868.384.207
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm (IV= I+II+III)	498.932.281.397	217.930.649.720

Nguyễn Thị Sao Mai  
Người lập

Phạm Thị Thu Hương  
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên
			ngày 31/12/2025		Tài sản hiện tại
			VND	VND	của Quỹ
					%
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết và Upcom</b>				
1	ACB	2.750.000	24.000	66.000.000.000	12,92%
2	CTG	556.228	35.750	19.885.151.000	3,90%
3	DPG	50.000	37.500	1.875.000.000	0,37%
4	DPR	370.000	38.000	14.060.000.000	2,76%
5	DXG	50.000	17.100	855.000.000	0,17%
6	HPG	640.000	26.400	16.896.000.000	3,31%
7	IJC	979.333	10.750	10.527.829.750	2,06%
8	PLX	290.000	35.300	10.237.000.000	2,01%
9	PNJ	30.000	97.000	2.910.000.000	0,57%
10	POW	83.300	12.700	1.057.910.000	0,21%
11	PVT	1.380.000	18.400	25.392.000.000	4,97%
12	QNS	381.600	47.000	17.935.200.000	3,51%
13	REE	50.000	61.000	3.050.000.000	0,60%
14	STB	70.000	58.000	4.060.000.000	0,80%
15	TCB	1.180.000	34.900	41.182.000.000	8,07%
16	TCI	1.092.000	9.790	10.690.680.000	2,10%
17	TPB	250.000	17.100	4.275.000.000	0,84%
18	VEA	280.000	34.200	9.576.000.000	1,88%
19	VIB	1.750.000	17.750	31.062.500.000	6,08%
20	VPB	110.000	28.650	3.151.500.000	0,62%
	<b>Tổng</b>	<b>12.342.461</b>		<b>294.678.770.750</b>	<b>57,75%</b>
<b>II</b>	<b>Trái phiếu niêm yết</b>				
1	HDB125012	200.000	100.002,31	20.000.462.000	3,92%
	<b>Tổng</b>	<b>200.000</b>		<b>20.000.462.000</b>	<b>3,92%</b>
<b>III</b>	<b>Các loại chứng khoán khác</b>			<b>22.680.000</b>	<b>0,004%</b>
1.	Quyền mua cổ phiếu POW	70.000	324	22.680.000	0,004%
<b>IV</b>	<b>Các tài sản khác</b>				
1	Dự thu trái tức			1.174.643.836	0,23%
2	Dự thu lãi tiền gửi			446.369.865	0,09%
3	Tiền bán chứng khoán chờ thu			968.530.500	0,19%
	<b>Tổng</b>			<b>2.589.544.201</b>	<b>0,51%</b>

## BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên
			ngày 31/12/2025		Tài sản hiện tại
			VND	VND	của Quỹ
					%
<b>V</b>	<b>Tiền và tương đương tiền</b>				
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			12.998.679.949	2,55%
2	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng			180.000.000.000	35,27%
	<b>Tổng</b>			<b>192.998.679.949</b>	<b>37,82%</b>
<b>IV</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>510.290.136.900</b>	<b>100,00%</b>

Nguyễn Thị Sao Mai  
Người lập

Phạm Thị Thu Hương  
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên  
Phó Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(298.916.609.600)	(127.156.623.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		225.021.234.100	68.192.080.000
03	3. Cổ tức đã nhận		7.778.500.000	4.586.670.700
04	4. Tiền lãi đã thu		2.205.250.692	1.411.294.625
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(6.491.682.954)	(3.715.743.784)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới)		(554.268.225)	(190.563.534)
09	7. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư		-	63.800
10	8. Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư		-	(63.800)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(70.957.575.987)</i>	<i>(56.872.884.993)</i>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ mở		462.312.953.074	125.027.507.879
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ mở		(239.165.919.321)	(45.856.397.465)
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>223.147.033.753</i>	<i>79.171.110.414</i>
40	<b>III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>		<b>152.189.457.766</b>	<b>22.298.225.421</b>
50	<b>IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>9</b>	<b>40.809.222.183</b>	<b>18.510.996.762</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		40.809.222.183	18.510.996.762
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		27.441.739.880	14.191.811.112
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		26.000.000.000	14.000.000.000
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		1.441.739.880	191.811.112
53	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		80.685.943	69.404.182
54	Tiền gửi phong tỏa		13.286.796.360	4.249.781.468

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
55	<b>V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	9	192.998.679.949	40.809.222.183
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm		192.998.679.949	40.809.222.183
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		182.478.419.829	27.441.739.880
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		180.000.000.000	26.000.000.000
	Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		2.478.419.829	1.441.739.880
58	Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ		363.095.451	80.685.943
59	Tiền gửi phong tỏa		10.157.164.669	13.286.796.360
60	<b>VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM</b>		<b>152.189.457.766</b>	<b>22.298.225.421</b>

Nguyễn Thị Sao Mai  
Người lập biểu

Phạm Thị Thu Hương  
Phụ trách kế toán



Giang Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

#### 1.1 . Thông tin về Quỹ

##### Quỹ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 317/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 02 năm 2023. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 51.286.679.600 VND, tương đương với 5.128.667,96 Chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 314.775.968.600 VND, tương đương với 31.477.596,86 Chứng chỉ Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.

##### Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UBCK cấp ngày 30 tháng 9 năm 2024.

##### Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 17 tháng 06 năm 2022.

### 1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là tối ưu mức sinh lời trong dài hạn thông qua việc đầu tư linh hoạt, hiệu quả vào các công ty có mô hình kinh doanh bền vững và triển vọng tăng trưởng cao cũng như các tài sản có định giá hấp dẫn theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

### 1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

#### Ngày định giá

Ngày định giá là toàn bộ các ngày làm việc trong tuần và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

*Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ**

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

**1.5 . Hạn chế đầu tư**

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản sau:
  - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành sau (trừ công cụ nợ của Chính phủ):
  - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định sau phát hành bởi các công ty trong cùng nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phải sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật:
  - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
  - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;
  - (iv) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
  - (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ.
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ; Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định như sau (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
  - (i) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

- (ii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;
- (iii) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- (iv) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship;
- k) Chỉ được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của một Quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào Chứng chỉ Quỹ của một Quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các Chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- l) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- m) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định tại mục a, b, c, d, e, f, k nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ**

### **2.1 . Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### **2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư số 181/2015/TT-BTC (“Thông tư số 181”) ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và Thông tư số 91/2019/TT-BTC (“Thông tư số 91”) ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

#### **2.4 . Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Các ước tính kế toán lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ và được đánh giá là hợp lý với các giả định hiện tại.

#### **2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

#### **2.6 . Các khoản đầu tư**

*Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "Phần thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính.

*Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;
- Cổ phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này;
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính.

*Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

*Nguyên tắc định giá*

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
<b>Trái phiếu</b>		
3.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn trên 3 tháng	<p>Giá yết (giá sạch) bình quân gia quyền trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá mà không có biến động bất thường cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.</p> <p>Trường hợp không có giao dịch mua bán thông thường (outright) nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có biến động bất thường, giá được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 tháng tính đến ngày định giá;</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.</li> </ul> <p>Biến động bất thường được quy định tại Sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản (là giá có chênh lệch tương đối cao hơn hoặc thấp hơn 3% so với giá của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất);</p>
4.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 tháng trở xuống	Mệnh giá của Trái phiếu cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

<b>Cổ phiếu</b>		
5.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 3 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua trung bình.
6.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 3 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua trung bình.
<b>Chứng khoán phát sinh</b>		
7.	Quyền mua chứng khoán	Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán và kết quả hoạt động chưa thực hiện trong kỳ lập báo cáo tài chính.  Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày của báo cáo tài chính và số tiền thực trả để thực hiện quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

#### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

#### **2.7 . Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

## **2.8 . Các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

## **2.9 . Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp phát hành*

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

### *Vốn góp mua lại*

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

### *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá đối với các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành Chứng chỉ Quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá Chứng chỉ Quỹ mua lại và mệnh giá.

### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch do đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lợi nhuận chưa phân phối”.

*Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư*

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

**2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ**

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng Giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc tại Thuyết minh 2.6.

*Giá trị Chứng chỉ Quỹ*

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

**2.11 . Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)*

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

*Lãi từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**2.12 . Các khoản chi phí**

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

*Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ*

Giá dịch vụ quản lý là 1,8% một năm tính trên tổng Giá trị tài sản ròng của Quỹ trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,8% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

*Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát*

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát = 0,02% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

*Giá dịch vụ lưu ký*

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ lưu ký = 0,05% \* Giá trị tài sản ròng tại ngày trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày.

*Giá dịch vụ quản trị quỹ*

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị Quỹ = 0,03% \* Giá trị tài sản ròng tại trước ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

*Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng*

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng là 12.000.000 VND/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, giá dịch vụ kết nối, giá dịch vụ cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, giá dịch vụ thực hiện quyền được miễn. Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho nhà đầu tư, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý Quỹ bao gồm giá dịch vụ quản lý Quỹ, giá dịch vụ quản trị Quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật.

*Chi phí kiểm toán*

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

### 2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### 2.14 . Số dư hàng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

### 2.15 . Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

#### *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

#### *Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

**2.16 . Các bên liên quan**

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**3 . CỐ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC CHIA**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Cổ tức	6.578.500.000	5.231.670.700
Lãi trái phiếu	58.109.589	89.670.763
	<b><u>6.636.609.589</u></b>	<b><u>5.321.341.463</u></b>

**4 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.643.487.681	1.091.433.793
	<b><u>2.643.487.681</u></b>	<b><u>1.091.433.793</u></b>

**5 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025		
	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	225.990.734.100	178.022.659.044	47.968.075.056
	<b><u>225.990.734.100</u></b>	<b><u>178.022.659.044</u></b>	<b><u>47.968.075.056</u></b>

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024		
	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	49.903.080.000	41.323.348.205	8.579.731.795
Trái phiếu niêm yết	4.550.000.000	4.547.075.857	2.924.143
	<b><u>54.453.080.000</u></b>	<b><u>45.870.424.062</u></b>	<b><u>8.582.655.938</u></b>

**6 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN**

Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025					
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2025 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2025 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại 31/12/2025 tại (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Cổ phiếu niêm yết	270.161.554.187	294.678.770.750	24.517.216.563	16.164.670.869	8.352.545.694
Trái phiếu niêm yết	19.997.633.353	20.000.462.000	2.828.647	-	2.828.647
Quyền mua cổ phiếu	-	22.680.000	22.680.000	-	22.680.000
	<u>290.159.187.540</u>	<u>314.701.912.750</u>	<u>24.542.725.210</u>	<u>16.164.670.869</u>	<u>8.378.054.341</u>
Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024					
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 31/12/2024 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2024 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2024 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại ngày 31/12/2023 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Cổ phiếu niêm yết	173.504.502.231	189.669.173.100	16.164.670.869	1.098.101.664	15.066.569.205
Trái phiếu niêm yết			-	3.396.183	(3.396.183)
	<u>173.504.502.231</u>	<u>189.669.173.100</u>	<u>16.164.670.869</u>	<u>1.101.497.847</u>	<u>15.063.173.022</u>

**7 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phí giao dịch cổ phiếu	544.264.200	202.081.626
Phí giao dịch trái phiếu	4.222.834	-
	<u>548.487.034</u>	<u>202.081.626</u>

**8 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Phí ngân hàng	6.841.977	4.823.778
Phí quản lý thường niên	7.500.000	7.500.000
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	72.000.000	72.000.000
	<b>86.341.977</b>	<b>84.323.778</b>

**9 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	2.478.419.829	1.441.739.880
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	331.036.007	68.072.569
Tài khoản thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư	32.059.444	12.613.374
Tiền phong tỏa - Mua chứng khoán	10.157.164.669	13.286.796.360
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	180.000.000.000	26.000.000.000
	<b>192.998.679.949</b>	<b>40.809.222.183</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất 4,75%/năm.

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN**

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại
	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>					
Cổ phiếu niêm yết	270.161.554.187	27.226.780.355	(2.709.563.792)		294.678.770.750
Trái phiếu niêm yết	19.997.633.353	2.828.647	-		20.000.462.000
Quyền mua cổ phiếu	-	22.680.000	-		22.680.000
	<b>290.159.187.540</b>	<b>27.252.289.002</b>	<b>(2.709.563.792)</b>		<b>314.701.912.750</b>

Tại kỳ định giá tài sản ròng ngày 09/03/2025, 13/04/2025, 14/04/2025, từ ngày 23/04/2025 đến ngày 28/04/2025, từ ngày 12/05/2025 đến ngày 22/05/2025, 23/06/2025 và từ ngày 01/07/2025 đến ngày 09/07/2025, từ ngày 20/07/2025 đến ngày 29/07/2025 tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ vượt quá 40% tổng tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship đã được điều chỉnh để đáp ứng hạn mức đầu tư trong thời gian theo quy định khoản 6, khoản 7 điều 24 thông tư 98/2020/TT-BTC.

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại
	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm		
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>					
Cổ phiếu niêm yết	173.504.502.231	21.404.801.839	(5.240.130.970)		189.669.173.100
	<b>173.504.502.231</b>	<b>21.404.801.839</b>	<b>(5.240.130.970)</b>		<b>189.669.173.100</b>



**11 . CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải thu tiền bán cổ phiếu	968.530.500	-
Dự thu cổ tức	-	1.200.000.000
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết	1.174.643.836	-
Dự thu lãi tiền gửi	446.369.865	8.132.876
	<b><u>2.589.544.201</u></b>	<b><u>1.208.132.876</u></b>

**12 . PHẢI TRẢ VỀ MUA CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Chi phí phải trả mua chứng khoán	10.155.814.669	13.285.296.360
	<b><u>10.155.814.669</u></b>	<b><u>13.285.296.360</u></b>

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	32.500.000	22.500.000
	<b><u>32.500.000</u></b>	<b><u>22.500.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**14 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	331.036.007	68.072.569
	<b><u>331.036.007</u></b>	<b><u>68.072.569</u></b>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua Chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

**15 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	32.059.444	12.613.374
	<b><u>32.059.444</u></b>	<b><u>12.613.374</u></b>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại Chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa đủ thông tin thanh toán hợp lệ.

**16 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ**

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý Quỹ	754.954.750	326.709.457
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	25.763.409	18.686.679
Phải trả phí dịch vụ giám sát	9.227.224	5.500.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
	<b><u>806.445.383</u></b>	<b><u>367.396.136</u></b>

**17 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<u>31/12/2023</u>	<u>Phát sinh trong kỳ</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND	VND
<b>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</b>			
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng (Chứng chỉ Quỹ)	11.100.188,14	10.319.304,54	21.419.492,68
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.134	12.116	11.089
Giá trị ghi theo mệnh giá	111.001.881.400	103.193.045.400	214.194.926.800
Thặng dư vốn	1.482.681.385	21.835.167.460	23.317.848.845
<b>Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ</b>	<b>112.484.562.785</b>	<b>125.028.212.860</b>	<b>237.512.775.645</b>
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	597.091,32	3.728.565,29	4.325.656,61
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	10.723	12.302	12.084
Giá trị ghi theo mệnh giá	5.970.913.200	37.285.652.900	43.256.566.100
Thặng dư vốn	431.666.153	8.582.731.307	9.014.397.460
<b>Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ</b>	<b>6.402.579.353</b>	<b>45.868.384.207</b>	<b>52.270.963.560</b>
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>10.503.096,82</b>	<b>6.590.739,25</b>	<b>17.093.836,07</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>106.081.983.432</b>	<b>79.159.828.653</b>	<b>185.241.812.085</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>6.721.288.173</b>	<b>25.967.549.462</b>	<b>32.688.837.635</b>
<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>112.803.271.605</b>		<b>217.930.649.720</b>
<b>Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ</b>	<b>10.740</b>		<b>12.749</b>
	<u>31/12/2024</u>	<u>Phát sinh trong kỳ</u>	<u>31/12/2025</u>
	VND	VND	VND
<b>Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025</b>			
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	21.419.492,68	30.411.088,37	51.830.581,05
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	11.089	15.193	13.497
Giá trị ghi theo mệnh giá	214.194.926.800	304.110.883.700	518.305.810.500
Thặng dư vốn	23.317.848.845	157.939.105.936	181.256.954.781
<b>Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ</b>	<b>237.512.775.645</b>	<b>462.049.989.636</b>	<b>699.562.765.281</b>
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	4.325.656,61	16.027.327,58	20.352.984,19
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	12.084	14.924	14.320
Giá trị ghi theo mệnh giá	43.256.566.100	160.273.275.800	203.529.841.900
Thặng dư vốn	9.014.397.460	78.912.089.591	87.926.487.051
<b>Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ</b>	<b>52.270.963.560</b>	<b>239.185.365.391</b>	<b>291.456.328.951</b>
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>17.093.836,07</b>	<b>14.383.760,79</b>	<b>31.477.596,86</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>185.241.812.085</b>	<b>222.864.624.245</b>	<b>408.106.436.330</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>32.688.837.635</b>	<b>58.137.007.432</b>	<b>90.825.845.067</b>
<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>217.930.649.720</b>		<b>498.932.281.397</b>
<b>Giá trị tài sản ròng trên 1 CCQ</b>	<b>12.749</b>		<b>15.850</b>

**18 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện	66.283.119.857	16.524.166.766
Lợi nhuận chưa thực hiện	24.542.725.210	16.164.670.869
	<b>90.825.845.067</b>	<b>32.688.837.635</b>

**19 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ**

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,23%	2,37%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	70,41%	49,61%

*Tỷ lệ chi phí hoạt động*

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động \* 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chi tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ Quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ Quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

*Tốc độ vòng quay danh mục*

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong năm + Tổng giá trị bán trong năm)/2 \*100 (%) /Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm.

**20 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

***Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

***Độ nhạy đối với lãi suất***

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

***Rủi ro tiền tệ***

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

***Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết***

Các cổ phiếu và trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu niêm yết và các loại chứng khoán khác của Quỹ là 314.701.912.750 VND. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm 31.470.191.275 VND, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu và trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 31.470.191.275 VND tương ứng.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB****QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**21 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ		
1	01/01/2024	112.803.271.605	10.503.096,82	10.740	
2	02/01/2024	112.799.137.304	10.503.096,82	10.740	-
3	03/01/2024	113.062.325.312	10.503.501,16	10.764	24
4	04/01/2024	114.518.723.699	10.542.330,43	10.863	99
5	05/01/2024	115.321.632.412	10.546.720,43	10.934	71
6	08/01/2024	115.399.325.528	10.540.386,84	10.948	14
7	09/01/2024	116.080.052.227	10.549.411,04	11.003	55
8	10/01/2024	116.236.539.301	10.555.601,71	11.012	9
9	11/01/2024	116.321.828.824	10.549.978,88	11.026	14
10	12/01/2024	116.613.398.867	10.571.329,52	11.031	5
11	15/01/2024	116.996.351.093	10.616.895,72	11.020	(11)
12	16/01/2024	119.220.237.794	10.856.959,16	10.981	(39)
13	17/01/2024	119.782.353.902	10.849.551,11	11.040	59
14	18/01/2024	119.766.373.941	10.853.286,14	11.035	(5)
15	19/01/2024	120.268.706.016	10.847.598,42	11.087	52
16	22/01/2024	121.321.200.207	10.852.961,71	11.179	92
17	23/01/2024	121.710.140.298	10.859.731,08	11.207	28
18	24/01/2024	121.514.863.798	10.862.897,72	11.186	(21)
19	25/01/2024	121.330.664.995	10.865.806,65	11.166	(20)
20	26/01/2024	121.095.022.518	10.873.036,82	11.137	(29)
21	29/01/2024	121.651.411.008	10.882.362,11	11.179	42
22	30/01/2024	121.453.109.658	10.869.256,12	11.174	(5)
23	31/01/2024	132.883.082.898	11.865.818,69	11.199	25
24	01/02/2024	131.529.536.327	11.869.299,73	11.081	(118)
25	02/02/2024	131.969.765.088	11.865.221,16	11.122	41
26	05/02/2024	131.868.958.490	11.871.501,26	11.108	(14)
27	06/02/2024	133.796.974.552	11.874.513,63	11.268	160
28	07/02/2024	134.406.643.401	11.883.548,18	11.310	42

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ	
		VND	CCQ		VND	VND		
29	13/02/2024	135.916.953.385	11.885.060,62	11.436	126			
30	15/02/2024	135.905.283.347	11.885.060,62	11.435	(1)			
31	16/02/2024	136.745.682.790	11.923.412,98	11.469	34			
32	19/02/2024	137.997.534.505	11.967.855,31	11.531	62			
33	20/02/2024	139.655.297.571	11.968.705,59	11.668	137			
34	21/02/2024	140.348.439.005	12.006.837,47	11.689	21			
35	22/02/2024	141.005.408.180	12.035.372,11	11.716	27			
36	23/02/2024	143.205.392.994	12.166.045,95	11.771	55			
37	26/02/2024	141.782.854.676	12.196.128,79	11.625	(146)			
38	27/02/2024	142.899.819.884	12.206.455,59	11.707	82			
39	28/02/2024	145.029.335.145	12.284.771,15	11.806	99			
40	29/02/2024	146.419.404.432	12.283.896,41	11.920	114			
41	01/03/2024	145.808.038.729	12.307.415,84	11.847	(73)			
42	04/03/2024	145.607.802.936	12.280.303,36	11.857	10			
43	05/03/2024	146.428.509.925	12.321.469,32	11.884	27			
44	06/03/2024	147.669.179.034	12.400.310,69	11.909	25			
45	07/03/2024	147.195.823.015	12.443.480,34	11.829	(80)			
46	08/03/2024	147.702.061.524	12.472.462,33	11.842	13			
47	11/03/2024	145.693.982.468	12.487.777,17	11.667	(175)			
48	12/03/2024	145.008.767.879	12.541.850,43	11.562	(105)			
49	13/03/2024	146.489.347.979	12.595.629,42	11.630	68			
50	14/03/2024	148.870.881.116	12.622.294,25	11.794	164			
51	15/03/2024	148.968.247.908	12.631.462,62	11.793	(1)			
52	18/03/2024	149.410.557.155	12.650.470,43	11.811	18			
53	19/03/2024	148.212.367.635	12.663.432,08	11.704	(107)			
54	20/03/2024	149.085.994.539	12.710.998,12	11.729	25			
55	21/03/2024	150.595.957.581	12.722.659,45	11.837	108			
56	22/03/2024	153.199.045.372	12.731.688,97	12.033	196			
57	25/03/2024	153.378.575.799	12.735.256,25	12.044	11			
58	26/03/2024	151.954.894.341	12.732.315,43	11.935	(109)			
59	27/03/2024	154.243.686.118	12.768.857,39	12.080	145			
60	28/03/2024	154.687.057.312	12.791.115,04	12.093	13			
61	29/03/2024	156.691.292.691	12.828.425,21	12.214	121			
62	01/04/2024	156.648.793.612	12.839.656,15	12.200	(14)			
63	02/04/2024	156.536.045.941	12.851.564,53	12.180	(20)			
64	03/04/2024	158.296.731.195	13.002.084,03	12.175	(5)			
65	04/04/2024	157.616.494.846	13.057.853,84	12.071	(104)			
66	05/04/2024	156.639.573.988	13.096.760,71	11.960	(111)			
67	08/04/2024	155.638.268.857	13.111.889,05	11.870	(90)			
68	09/04/2024	155.234.635.902	13.134.637,75	11.819	(51)			
69	10/04/2024	156.746.697.699	13.184.294,39	11.889	70			
70	11/04/2024	157.084.085.870	13.226.039,53	11.877	(12)			
71	12/04/2024	156.619.137.869	13.231.836,89	11.837	(40)			
72	15/04/2024	159.850.717.463	13.256.251,16	12.059	222			
73	16/04/2024	154.215.695.582	13.266.506,79	11.624	(435)			

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**

**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại	Tăng/(giảm)
				ngày tính NAV VND	NAV/CCQ VND
74	17/04/2024	154.567.772.069	13.298.642,78	11.623	(1)
75	19/04/2024	153.122.239.017	13.317.989,11	11.497	(126)
76	22/04/2024	151.194.835.282	13.328.371,30	11.344	(153)
77	23/04/2024	152.997.395.768	13.328.321,22	11.479	135
78	24/04/2024	152.379.430.059	13.339.387,21	11.423	(56)
79	25/04/2024	155.132.850.289	13.365.250,33	11.607	184
80	26/04/2024	154.435.323.450	13.376.268,03	11.545	(62)
81	30/04/2024	154.941.554.125	13.381.401,05	11.579	34
82	01/05/2024	154.932.189.638	13.381.401,05	11.578	(1)
83	02/05/2024	154.924.251.556	13.381.401,05	11.578	-
84	03/05/2024	157.074.524.144	13.388.000,72	11.732	154
85	06/05/2024	158.616.399.560	13.410.607,09	11.828	96
86	07/05/2024	160.260.341.926	13.423.329,64	11.939	111
87	08/05/2024	161.108.384.763	13.454.515,32	11.974	35
88	09/05/2024	161.838.926.451	13.465.037,13	12.019	45
89	10/05/2024	161.973.384.953	13.498.401,99	11.999	(20)
90	13/05/2024	162.263.797.293	13.524.040,61	11.998	(1)
91	14/05/2024	161.741.244.284	13.518.471,93	11.964	(34)
92	15/05/2024	161.468.610.641	13.520.061,26	11.943	(21)
93	16/05/2024	162.177.460.407	13.530.450,42	11.986	43
94	17/05/2024	164.405.915.486	13.530.017,75	12.151	165
95	20/05/2024	164.647.020.587	13.537.625,26	12.162	11
96	21/05/2024	164.615.866.109	13.527.195,37	12.169	7
97	22/05/2024	165.270.142.586	13.571.164,61	12.178	9
98	23/05/2024	164.409.011.423	13.581.643,01	12.105	(73)
99	24/05/2024	167.112.237.716	13.571.678,21	12.313	208
100	27/05/2024	166.325.860.554	13.542.660,51	12.282	(31)
101	28/05/2024	167.565.831.723	13.538.470,66	12.377	95
102	29/05/2024	168.346.940.743	13.536.403,76	12.437	60
103	30/05/2024	166.905.950.948	13.549.640,44	12.318	(119)
104	31/05/2024	167.622.782.074	13.630.390,93	12.298	(20)
105	01/06/2024	167.897.768.513	13.619.879,39	12.327	29
106	03/06/2024	167.879.277.044	13.619.879,39	12.326	(1)
107	04/06/2024	170.010.302.051	13.629.919,13	12.473	147
108	05/06/2024	171.545.467.406	13.766.370,46	12.461	(12)
109	06/06/2024	171.753.091.028	13.767.352,71	12.475	14
110	07/06/2024	173.980.509.314	13.887.921,50	12.527	52
111	10/06/2024	175.145.280.107	13.969.996,13	12.537	10
112	11/06/2024	175.196.623.304	13.985.180,07	12.527	(10)
113	12/06/2024	175.707.029.137	14.038.653,62	12.516	(11)
114	13/06/2024	176.841.422.513	14.051.045,59	12.586	70
115	14/06/2024	177.004.086.138	14.058.002,06	12.591	5
116	17/06/2024	175.144.203.112	14.070.054,33	12.448	(143)
117	18/06/2024	175.437.494.498	14.138.100,18	12.409	(39)
118	19/06/2024	175.804.875.005	14.113.760,09	12.456	47

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**  
 Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Số lượng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		Giá trị tài sản ròng	chứng chỉ quỹ		
		VND	CCQ	VND	VND
119	20/06/2024	175.493.188.175	14.101.602,83	12.445	(11)
120	21/06/2024	176.293.299.617	14.106.478,96	12.497	52
121	24/06/2024	176.297.319.800	14.110.090,17	12.494	(3)
122	25/06/2024	173.708.692.660	14.122.039,48	12.301	(193)
123	26/06/2024	174.011.744.607	14.105.649,55	12.336	35
124	27/06/2024	174.526.447.535	14.110.291,66	12.369	33
125	28/06/2024	173.694.830.362	14.151.865,84	12.274	(95)
126	01/07/2024	172.756.315.189	14.155.570,29	12.204	(70)
127	01/07/2024	173.268.287.095	14.155.311,47	12.241	37
128	02/07/2024	173.986.636.012	14.179.746,97	12.270	29
129	03/07/2024	175.615.512.144	14.232.161,54	12.339	69
130	04/07/2024	175.967.681.215	14.232.991,04	12.363	24
131	07/07/2024	176.213.689.623	14.242.763,33	12.372	9
132	08/07/2024	176.573.751.893	14.237.372,54	12.402	30
133	09/07/2024	177.922.134.978	14.239.839,82	12.495	93
134	10/07/2024	177.272.919.739	14.231.205,41	12.457	(38)
135	11/07/2024	176.610.538.998	14.234.494,61	12.407	(50)
136	14/07/2024	176.322.155.280	14.234.428,26	12.387	(20)
137	15/07/2024	176.641.729.407	14.237.695,95	12.407	20
138	16/07/2024	176.893.079.809	14.242.995,53	12.420	13
139	17/07/2024	175.801.168.820	14.247.336,80	12.339	(81)
140	18/07/2024	177.416.967.212	14.263.300,49	12.439	100
141	21/07/2024	176.865.166.775	14.270.800,03	12.394	(45)
142	22/07/2024	176.656.584.189	14.307.702,45	12.347	(47)
143	23/07/2024	174.541.147.404	14.317.731,39	12.191	(156)
144	24/07/2024	175.146.784.506	14.316.844,06	12.234	43
145	25/07/2024	174.573.291.335	14.320.642,82	12.190	(44)
146	28/07/2024	175.365.812.784	14.337.124,68	12.232	42
147	29/07/2024	175.227.926.549	14.338.973,11	12.220	(12)
148	30/07/2024	175.059.381.937	14.363.804,37	12.188	(32)
149	31/07/2024	175.368.525.516	14.371.070,03	12.203	15
150	01/08/2024	173.150.187.416	14.366.919,21	12.052	(151)
151	04/08/2024	174.314.803.290	14.365.058,95	12.135	83
152	05/08/2024	169.192.149.755	14.378.650,93	11.767	(368)
153	06/08/2024	171.082.301.164	14.383.039,09	11.895	128
154	07/08/2024	171.597.564.346	14.381.557,68	11.932	37
155	08/08/2024	170.335.425.799	14.381.802,76	11.844	(88)
156	11/08/2024	171.728.830.476	14.394.578,54	11.930	86
157	12/08/2024	172.587.228.683	14.396.556,52	11.988	58
158	13/08/2024	171.962.470.497	14.402.888,79	11.939	(49)
159	14/08/2024	172.307.003.864	14.398.819,89	11.967	28
160	15/08/2024	171.814.921.590	14.397.611,18	11.934	(33)
161	18/08/2024	175.140.923.251	14.465.735,85	12.107	173
162	19/08/2024	178.500.566.603	14.615.448,09	12.213	106
163	20/08/2024	179.062.460.439	14.615.931,20	12.251	38

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ		
164	21/08/2024	180.111.000.334	14.617.032,03	12.322	71
165	22/08/2024	180.854.191.963	14.617.412,96	12.373	51
166	25/08/2024	181.391.690.437	14.652.655,01	12.379	6
167	26/08/2024	180.894.256.892	14.629.992,89	12.365	(14)
168	27/08/2024	181.228.168.905	14.625.911,85	12.391	26
169	28/08/2024	179.953.319.360	14.527.580,79	12.387	(4)
170	29/08/2024	180.004.431.162	14.517.846,97	12.399	12
171	31/08/2024	180.353.562.534	14.516.081,70	12.424	25
172	02/09/2024	180.339.104.051	14.516.081,70	12.423	(1)
173	03/09/2024	180.331.875.661	14.516.081,70	12.423	-
174	04/09/2024	179.695.515.833	14.524.038,36	12.372	(51)
175	05/09/2024	179.389.740.936	14.531.970,08	12.344	(28)
176	08/09/2024	181.754.648.624	14.680.481,18	12.381	37
177	09/09/2024	184.642.294.843	14.962.453,98	12.340	(41)
178	10/09/2024	182.200.365.109	14.883.677,79	12.242	(98)
179	11/09/2024	192.231.697.359	15.703.724,79	12.241	(1)
180	12/09/2024	193.388.722.821	15.711.512,34	12.309	68
181	15/09/2024	193.511.719.848	15.717.638,15	12.312	3
182	16/09/2024	192.101.587.502	15.707.616,70	12.230	(82)
183	17/09/2024	194.392.622.374	15.709.812,56	12.374	144
184	18/09/2024	195.318.719.408	15.728.821,45	12.418	44
185	19/09/2024	195.951.842.850	15.733.414,80	12.455	37
186	22/09/2024	197.468.330.428	15.739.936,98	12.546	91
187	23/09/2024	197.384.130.791	15.754.548,15	12.529	(17)
188	24/09/2024	198.809.282.245	15.790.902,63	12.590	61
189	25/09/2024	199.486.279.771	15.758.652,09	12.659	69
190	26/09/2024	207.349.191.907	16.353.597,22	12.679	20
191	29/09/2024	209.203.905.226	16.511.221,78	12.670	(9)
192	30/09/2024	207.699.239.074	16.414.720,05	12.653	(17)
193	01/10/2024	208.834.113.140	16.460.397,58	12.687	34
194	02/10/2024	208.305.785.464	16.441.118,61	12.670	(17)
195	03/10/2024	207.812.488.210	16.532.391,97	12.570	(100)
196	06/10/2024	206.525.957.641	16.534.627,25	12.491	(79)
197	07/10/2024	205.366.698.603	16.394.434,84	12.527	36
198	08/10/2024	205.697.018.726	16.397.887,48	12.544	17
199	09/10/2024	207.218.650.680	16.409.198,71	12.628	84
200	10/10/2024	208.299.470.524	16.507.597,07	12.618	(10)
201	13/10/2024	209.197.814.322	16.524.109,36	12.660	42
202	14/10/2024	209.549.877.961	16.544.771,78	12.666	6
203	15/10/2024	208.644.452.997	16.546.756,92	12.609	(57)
204	16/10/2024	208.429.240.982	16.558.141,72	12.588	(21)
205	17/10/2024	209.562.448.931	16.566.365,52	12.650	62
206	20/10/2024	209.779.259.437	16.570.224,21	12.660	10
207	21/10/2024	209.458.419.010	16.569.895,27	12.641	(19)
208	22/10/2024	208.033.599.391	16.559.015,21	12.563	(78)

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**

**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ	VND	VND	
209	23/10/2024	208.045.995.237	16.546.773,30	12.573		10
210	24/10/2024	205.405.718.261	16.555.677,47	12.407		(166)
211	27/10/2024	205.209.834.029	16.557.873,76	12.393		(14)
212	28/10/2024	205.824.626.542	16.562.088,74	12.427		34
213	29/10/2024	206.438.370.766	16.569.855,08	12.459		32
214	30/10/2024	206.664.643.039	16.574.317,26	12.469		10
215	31/10/2024	207.038.132.544	16.575.021,35	12.491		22
216	03/11/2024	205.406.946.356	16.583.929,87	12.386		(105)
217	04/11/2024	204.434.038.510	16.587.696,70	12.324		(62)
218	05/11/2024	204.542.169.891	16.592.542,24	12.327		3
219	06/11/2024	206.582.549.824	16.599.081,02	12.445		118
220	07/11/2024	206.545.727.883	16.621.897,80	12.426		(19)
221	10/11/2024	205.377.936.227	16.624.229,22	12.354		(72)
222	11/11/2024	206.956.479.110	16.822.965,83	12.302		(52)
223	12/11/2024	206.631.344.131	16.822.003,79	12.283		(19)
224	13/11/2024	206.701.364.570	16.822.711,92	12.287		4
225	14/11/2024	205.181.772.965	16.825.382,69	12.195		(92)
226	17/11/2024	204.982.214.751	16.913.181,75	12.120		(75)
227	18/11/2024	205.104.183.916	16.922.816,88	12.120		-
228	19/11/2024	204.646.671.779	16.946.134,31	12.076		(44)
229	20/11/2024	206.163.564.588	16.950.005,02	12.163		87
230	21/11/2024	208.661.006.234	16.953.427,30	12.308		145
231	24/11/2024	208.607.042.263	16.956.995,21	12.302		(6)
232	25/11/2024	209.462.984.311	16.952.505,43	12.356		54
233	26/11/2024	209.831.664.608	16.949.572,56	12.380		24
234	27/11/2024	210.592.989.804	17.018.445,72	12.374		(6)
235	28/11/2024	211.243.147.848	17.018.907,68	12.412		38
236	30/11/2024	211.899.896.152	17.040.395,11	12.435		23
237	01/12/2024	211.890.187.475	17.040.395,11	12.435		-
238	02/12/2024	213.380.357.115	17.158.707,10	12.436		1
239	03/12/2024	213.079.535.879	17.157.621,71	12.419		(17)
240	04/12/2024	212.210.496.377	17.157.900,06	12.368		(51)
241	05/12/2024	217.097.609.194	17.229.865,67	12.600		232
242	08/12/2024	216.582.703.722	17.225.730,83	12.573		(27)
243	09/12/2024	217.591.791.137	17.233.165,31	12.626		53
244	10/12/2024	216.653.969.033	17.202.083,70	12.595		(31)
245	11/12/2024	216.296.364.763	17.204.302,71	12.572		(23)
246	12/12/2024	216.501.526.494	17.220.081,02	12.573		1
247	15/12/2024	215.611.118.859	17.189.484,69	12.543		(30)
248	16/12/2024	215.935.071.015	17.205.861,42	12.550		7
249	17/12/2024	215.789.770.820	17.209.203,64	12.539		(11)
250	18/12/2024	216.373.047.889	17.206.408,24	12.575		36
251	19/12/2024	214.721.330.947	17.205.894,01	12.480		(95)
252	22/12/2024	215.453.027.137	17.235.174,14	12.501		21
253	23/12/2024	206.952.947.408	16.511.773,00	12.534		33



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
				VND	CCQ	
254	24/12/2024	206.927.394.128	16.506.999,41	12.536		2
255	25/12/2024	209.772.713.474	16.510.622,72	12.705		169
256	26/12/2024	210.148.570.778	16.487.519,66	12.746		41
257	29/12/2024	210.569.987.039	16.471.252,98	12.784		38
258	30/12/2024	218.542.764.404	17.166.879,68	12.730		(54)
259	31/12/2024	217.930.649.720	17.093.836,07	12.749		19

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

172.899.348.118

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm

- Mức cao nhất trong năm

435

Giá trị tài sản ròng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/CCQ
				VND	CCQ	
1	01/01/2025	217.930.649.720	17.093.836,07	12.749		
2	02/01/2025	217.920.951.088	17.093.836,07	12.749		-
3	03/01/2025	217.504.132.197	17.086.334,41	12.730		(19)
4	06/01/2025	214.131.823.658	17.067.884,54	12.546		(184)
5	07/01/2025	212.962.000.533	17.078.004,65	12.470		(76)
6	08/01/2025	213.047.865.307	17.075.272,74	12.477		7
7	09/01/2025	214.187.952.443	17.074.576,56	12.544		67
8	10/01/2025	213.920.337.083	17.077.341,50	12.527		(17)
9	13/01/2025	211.392.476.934	17.071.044,24	12.383		(144)
10	14/01/2025	212.488.535.838	17.074.724,96	12.445		62
11	15/01/2025	211.977.431.267	17.083.240,56	12.409		(36)
12	16/01/2025	213.115.302.897	17.088.998,89	12.471		62
13	17/01/2025	213.814.558.506	17.090.866,15	12.510		39
14	20/01/2025	215.500.376.129	17.091.539,54	12.609		99
15	21/01/2025	215.655.585.256	17.085.720,62	12.622		13
16	22/01/2025	214.806.390.869	17.072.031,13	12.582		(40)
17	23/01/2025	214.258.667.115	17.067.451,32	12.554		(28)
18	24/01/2025	217.559.673.572	17.074.752,93	12.742		188
19	28/01/2025	217.829.216.806	17.080.075,89	12.753		11
20	01/02/2025	217.778.074.620	17.080.075,89	12.750		(3)
21	03/02/2025	217.753.011.083	17.080.075,89	12.749		(1)
22	04/02/2025	216.117.587.484	17.077.847,27	12.655		(94)
23	05/02/2025	218.324.154.179	17.079.697,19	12.783		128
24	06/02/2025	218.604.121.746	17.036.853,38	12.831		48
25	07/02/2025	220.251.227.199	17.074.548,91	12.899		68
26	10/02/2025	221.330.715.403	17.067.348,60	12.968		69
27	11/02/2025	220.957.665.544	17.073.119,92	12.942		(26)
28	12/02/2025	221.650.019.682	17.065.632,43	12.988		46
29	13/02/2025	221.117.790.230	17.055.824,73	12.964		(24)
30	14/02/2025	222.867.831.947	17.064.640,05	13.060		96

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**

**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm)
		VND	CCQ	VND	VND	
31	17/02/2025	225.574.328.836	17.236.899,29	13.087		27
32	18/02/2025	225.151.252.840	17.254.125,34	13.049		(38)
33	19/02/2025	222.899.973.176	17.014.674,23	13.100		51
34	20/02/2025	224.454.759.125	17.036.274,75	13.175		75
35	21/02/2025	225.355.604.092	17.033.647,33	13.230		55
36	24/02/2025	226.333.859.947	17.058.102,36	13.268		38
37	25/02/2025	227.878.183.863	17.089.554,84	13.334		66
38	26/02/2025	228.409.030.267	17.181.808,31	13.294		(40)
39	27/02/2025	227.420.143.327	17.169.670,89	13.245		(49)
40	28/02/2025	228.478.844.120	17.203.304,05	13.281		36
41	01/03/2025	229.116.495.697	17.270.306,40	13.266		(15)
42	03/03/2025	229.090.694.097	17.270.306,40	13.265		(1)
43	04/03/2025	230.052.697.079	17.298.229,65	13.299		34
44	05/03/2025	233.251.309.330	17.373.672,72	13.426		127
45	06/03/2025	233.077.778.767	17.479.294,12	13.335		(91)
46	07/03/2025	235.541.398.496	17.504.897,24	13.456		121
47	10/03/2025	237.568.328.055	17.595.348,57	13.502		46
48	11/03/2025	239.082.420.407	17.656.989,75	13.540		38
49	12/03/2025	240.861.518.922	17.738.460,86	13.578		38
50	13/03/2025	240.513.979.602	17.789.718,45	13.520		(58)
51	14/03/2025	238.918.769.775	17.831.077,32	13.399		(121)
52	17/03/2025	238.842.831.612	17.880.902,51	13.357		(42)
53	18/03/2025	240.369.626.210	17.905.180,54	13.425		68
54	19/03/2025	240.008.235.865	17.965.485,48	13.359		(66)
55	20/03/2025	239.159.234.060	17.961.410,80	13.315		(44)
56	21/03/2025	239.969.242.391	18.022.645,49	13.315		-
57	24/03/2025	239.446.935.808	18.026.349,32	13.283		(32)
58	25/03/2025	241.301.458.232	18.052.897,13	13.366		83
59	26/03/2025	251.496.780.560	18.763.018,25	13.404		38
60	27/03/2025	251.210.950.684	18.766.161,31	13.386		(18)
61	28/03/2025	250.212.605.232	18.802.625,70	13.307		(79)
62	31/03/2025	248.683.498.444	18.824.169,34	13.211		(96)
63	01/04/2025	248.676.436.964	18.841.517,52	13.198		(13)
64	02/04/2025	251.025.324.805	18.838.457,01	13.325		127
65	03/04/2025	251.332.062.592	18.880.883,29	13.311		(14)
66	04/04/2025	235.865.204.992	18.936.985,16	12.455		(856)
67	08/04/2025	234.140.504.920	18.974.146,16	12.340		(115)
68	09/04/2025	220.270.251.185	18.962.150,14	11.616		(724)
69	10/04/2025	214.099.651.642	18.947.739,32	11.299		(317)
70	11/04/2025	228.871.902.338	18.924.872,83	12.094		795
71	14/04/2025	239.675.023.837	19.026.622,71	12.597		503
72	15/04/2025	243.228.011.151	19.186.119,67	12.677		80
73	16/04/2025	239.635.587.695	19.200.140,57	12.481		(196)
74	17/04/2025	238.002.841.035	19.204.720,42	12.393		(88)
75	18/04/2025	238.922.593.761	19.210.917,90	12.437		44

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm)
		VND	CCQ	VND	VND	
76	21/04/2025	240.473.414.333	19.212.250,57	12.517		80
77	22/04/2025	238.833.675.423	19.206.246,14	12.435		(82)
78	23/04/2025	236.597.775.133	19.214.757,19	12.313		(122)
79	24/04/2025	241.221.478.023	19.188.715,33	12.571		258
80	25/04/2025	241.988.616.448	19.186.470,68	12.612		41
81	28/04/2025	241.626.951.715	19.202.419,46	12.583		(29)
82	29/04/2025	241.356.115.660	19.205.183,96	12.567		(16)
83	01/05/2025	243.021.623.760	19.214.127,04	12.648		81
84	05/05/2025	242.965.831.503	19.214.127,04	12.645		(3)
85	06/05/2025	245.166.510.265	19.214.451,93	12.759		114
86	07/05/2025	245.916.092.236	19.222.928,95	12.793		34
87	08/05/2025	246.408.918.433	19.224.525,07	12.817		24
88	09/05/2025	249.314.915.263	19.224.737,42	12.968		151
89	12/05/2025	249.820.197.350	19.233.717,22	12.989		21
90	13/05/2025	255.543.448.520	19.326.165,11	13.223		234
91	14/05/2025	257.531.491.535	19.324.645,64	13.327		104
92	15/05/2025	259.825.837.747	19.330.100,02	13.442		115
93	16/05/2025	260.754.999.211	19.333.927,02	13.487		45
94	19/05/2025	258.488.209.210	19.326.726,02	13.375		(112)
95	20/05/2025	257.987.607.791	19.331.025,50	13.346		(29)
96	21/05/2025	262.343.648.494	19.349.380,60	13.558		212
97	22/05/2025	263.776.117.339	19.349.314,61	13.632		74
98	23/05/2025	261.653.552.376	19.344.937,35	13.526		(106)
99	26/05/2025	262.156.161.401	19.369.424,98	13.535		9
100	27/05/2025	265.201.013.133	19.434.857,43	13.646		111
101	28/05/2025	266.918.181.664	19.464.956,57	13.713		67
102	29/05/2025	267.747.685.294	19.487.320,69	13.740		27
103	30/05/2025	268.823.368.051	19.486.649,80	13.795		55
104	01/06/2025	267.081.225.449	19.504.228,33	13.694		(101)
105	02/06/2025	267.066.030.341	19.504.228,33	13.693		(1)
106	03/06/2025	268.031.201.373	19.510.718,31	13.738		45
107	04/06/2025	270.892.896.599	19.572.728,11	13.840		102
108	05/06/2025	273.020.322.972	19.748.369,84	13.825		(15)
109	06/06/2025	272.596.687.163	19.764.430,96	13.792		(33)
110	09/06/2025	271.135.700.663	19.802.678,06	13.692		(100)
111	10/06/2025	269.332.133.372	19.855.875,53	13.564		(128)
112	11/06/2025	270.629.207.731	19.849.826,80	13.634		70
113	12/06/2025	272.483.595.027	19.999.701,57	13.624		(10)
114	13/06/2025	275.834.323.718	20.059.508,35	13.751		127
115	16/06/2025	276.466.951.813	20.070.562,64	13.775		24
116	17/06/2025	278.662.572.201	19.850.318,44	14.038		263
117	18/06/2025	278.700.866.690	19.888.649,91	14.013		(25)
118	19/06/2025	278.930.344.964	19.868.353,62	14.039		26
119	20/06/2025	280.526.022.080	19.857.316,94	14.127		88
120	23/06/2025	280.883.910.408	19.875.835,79	14.132		5

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**

**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

**Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại	Tăng/(giảm)
				ngày tính NAV VND	NAV/CCQ VND
121	24/06/2025	260.444.827.436	18.398.127,30	14.156	24
122	25/06/2025	260.576.353.626	18.431.091,29	14.138	(18)
123	26/06/2025	238.562.796.275	16.924.591,32	14.096	(42)
124	27/06/2025	242.949.439.306	17.211.316,81	14.116	20
125	30/06/2025	226.881.393.621	16.054.812,86	14.132	16
126	01/07/2025	228.204.383.851	16.104.664,98	14.170	38
127	02/07/2025	229.019.022.082	16.168.416,88	14.165	(5)
128	03/07/2025	231.603.711.351	16.276.691,96	14.229	64
129	04/07/2025	232.664.186.275	16.336.028,24	14.242	13
130	07/07/2025	234.346.070.359	16.361.786,62	14.323	81
131	08/07/2025	237.311.561.642	16.428.847,07	14.445	122
132	09/07/2025	239.685.514.728	16.510.621,63	14.517	72
133	10/07/2025	242.134.354.760	16.589.600,60	14.596	79
134	11/07/2025	244.867.299.949	16.723.831,93	14.642	46
135	14/07/2025	282.711.008.316	19.240.508,94	14.694	52
136	15/07/2025	318.796.856.185	21.602.889,03	14.757	63
137	16/07/2025	319.174.356.638	21.753.088,15	14.673	(84)
138	17/07/2025	321.396.248.387	21.791.267,13	14.749	76
139	18/07/2025	324.418.205.859	21.993.537,30	14.751	2
140	21/07/2025	327.525.072.387	22.057.245,57	14.849	98
141	22/07/2025	309.026.660.890	20.792.324,31	14.863	14
142	23/07/2025	311.304.443.310	20.876.360,82	14.912	49
143	24/07/2025	314.543.472.299	20.997.379,80	14.980	68
144	25/07/2025	316.624.694.580	21.014.149,69	15.067	87
145	28/07/2025	319.503.891.876	21.064.856,93	15.168	101
146	29/07/2025	324.515.279.257	21.155.925,83	15.339	171
147	30/07/2025	316.231.143.914	21.262.332,02	14.873	(466)
148	31/07/2025	319.797.221.310	21.211.254,90	15.077	204
149	01/08/2025	318.941.624.060	21.189.530,36	15.052	(25)
150	04/08/2025	335.209.483.408	22.257.702,89	15.060	8
151	05/08/2025	338.977.351.415	22.275.256,12	15.218	158
152	06/08/2025	345.795.705.612	22.506.052,91	15.365	147
153	07/08/2025	353.971.065.266	22.702.822,77	15.592	227
154	08/08/2025	358.951.361.897	22.778.291,72	15.758	166
155	11/08/2025	362.431.081.066	22.953.381,85	15.790	32
156	12/08/2025	366.426.217.310	23.167.736,47	15.816	26
157	13/08/2025	368.567.399.018	23.331.655,93	15.797	(19)
158	14/08/2025	369.433.128.448	23.361.660,52	15.814	17
159	15/08/2025	385.492.865.416	23.985.126,05	16.072	258
160	18/08/2025	386.055.899.304	24.091.189,55	16.025	(47)
161	19/08/2025	390.435.186.068	24.186.291,29	16.143	118
162	20/08/2025	399.836.248.792	24.390.691,41	16.393	250
163	21/08/2025	401.122.650.783	24.445.930,00	16.409	16
164	22/08/2025	409.104.764.457	24.536.287,21	16.673	264

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Báo cáo tài chính

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng		NAV/CCQ tại ngày tính NAV	Tăng/(giảm) NAV/CCQ
		VND	CCQ		
165	25/08/2025	398.232.271.708	24.347.539,63	16.356	(317)
166	26/08/2025	396.517.141.575	24.758.868,06	16.015	(341)
167	27/08/2025	408.081.389.507	24.987.406,86	16.331	316
168	28/08/2025	405.151.673.624	24.782.097,85	16.349	18
169	29/08/2025	409.933.814.981	24.992.712,34	16.402	53
170	01/09/2025	434.736.536.065	26.388.004,13	16.475	73
171	02/09/2025	434.722.909.099	26.388.004,13	16.474	(1)
172	03/09/2025	434.709.282.833	26.388.004,13	16.474	-
173	04/09/2025	436.162.057.585	26.463.927,12	16.481	7
174	05/09/2025	440.533.310.658	26.579.046,14	16.574	93
175	08/09/2025	438.597.877.695	26.662.192,08	16.450	(124)
176	09/09/2025	434.824.924.301	26.808.854,63	16.219	(231)
177	10/09/2025	439.543.257.566	27.050.124,61	16.249	30
178	11/09/2025	441.846.440.561	27.174.871,77	16.259	10
179	12/09/2025	444.065.960.488	27.354.735,71	16.234	(25)
180	15/09/2025	426.578.006.007	26.105.820,71	16.340	106
181	16/09/2025	430.979.628.498	26.245.286,78	16.421	81
182	17/09/2025	438.909.535.443	26.716.581,28	16.428	7
183	18/09/2025	444.486.726.685	27.254.846,01	16.309	(119)
184	19/09/2025	446.322.102.471	27.435.220,47	16.268	(41)
185	22/09/2025	450.853.590.217	27.799.167,17	16.218	(50)
186	23/09/2025	448.562.400.887	27.876.021,55	16.091	(127)
187	24/09/2025	456.932.950.729	28.322.996,68	16.133	42
188	25/09/2025	461.960.326.708	28.357.372,15	16.291	158
189	26/09/2025	461.403.342.808	28.358.092,87	16.271	(20)
190	29/09/2025	461.226.018.405	28.463.382,51	16.204	(67)
191	30/09/2025	462.578.512.487	28.576.945,50	16.187	(17)
192	01/10/2025	464.075.462.599	28.728.244,35	16.154	(33)
193	02/10/2025	467.414.694.359	28.805.923,54	16.226	72
194	03/10/2025	468.092.833.034	28.930.455,67	16.180	(46)
195	06/10/2025	466.494.334.455	28.958.788,65	16.109	(71)
196	07/10/2025	474.934.717.977	29.004.711,22	16.374	265
197	08/10/2025	472.987.628.183	29.041.969,68	16.286	(88)
198	09/10/2025	474.635.312.981	29.095.030,77	16.313	27
199	10/10/2025	476.956.522.129	29.118.649,96	16.380	67
200	13/10/2025	480.232.926.144	29.271.925,25	16.406	26
201	14/10/2025	481.887.308.883	29.318.451,68	16.436	30
202	15/10/2025	481.486.836.631	29.489.683,42	16.327	(109)
203	16/10/2025	486.323.651.325	29.741.497,92	16.352	25
204	17/10/2025	487.835.124.271	29.788.963,56	16.376	24
205	20/10/2025	484.268.900.243	29.799.599,85	16.251	(125)
206	21/10/2025	472.891.718.601	29.862.844,63	15.835	(416)
207	22/10/2025	476.030.202.820	29.849.017,40	15.948	113
208	23/10/2025	477.133.743.067	29.826.790,98	15.997	49
209	24/10/2025	477.952.909.525	29.914.369,46	15.977	(20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng	NAV/CCQ tại	Tăng/(giảm)
			chứng chỉ quỹ CCQ	ngày tính NAV VND	NAV/CCQ VND
210	27/10/2025	480.392.581.557	30.119.743,45	15.949	(28)
211	28/10/2025	478.523.880.705	30.124.257,54	15.885	(64)
212	29/10/2025	483.543.298.812	30.195.925,98	16.014	129
213	30/10/2025	486.249.721.049	30.268.377,63	16.065	51
214	31/10/2025	485.615.451.275	30.355.504,08	15.998	(67)
215	01/11/2025	485.956.659.718	30.377.385,90	15.997	(1)
216	03/11/2025	485.946.614.367	30.377.385,90	15.997	-
217	04/11/2025	482.706.112.252	30.394.364,67	15.881	(116)
218	05/11/2025	489.307.662.976	30.521.467,75	16.032	151
219	06/11/2025	488.613.946.052	30.551.060,12	15.993	(39)
220	07/11/2025	486.268.738.551	30.549.285,06	15.918	(75)
221	10/11/2025	482.390.718.423	30.572.181,34	15.779	(139)
222	11/11/2025	481.974.395.808	30.594.171,72	15.754	(25)
223	12/11/2025	487.298.612.865	30.863.324,49	15.789	35
224	13/11/2025	493.269.066.032	30.931.489,76	15.947	158
225	14/11/2025	501.511.157.929	31.383.087,96	15.980	33
226	17/11/2025	500.343.927.884	31.346.260,16	15.962	(18)
227	18/11/2025	503.253.097.922	31.396.420,75	16.029	67
228	19/11/2025	503.480.071.706	31.404.756,68	16.032	3
229	20/11/2025	498.443.663.799	31.192.225,37	15.980	(52)
230	21/11/2025	496.799.895.047	31.166.775,34	15.940	(40)
231	24/11/2025	496.235.422.608	31.210.400,56	15.900	(40)
232	25/11/2025	495.284.705.015	31.239.333,02	15.855	(45)
233	26/11/2025	491.796.008.116	31.170.353,85	15.778	(77)
234	27/11/2025	494.603.930.631	31.185.992,88	15.860	82
235	28/11/2025	494.472.713.097	31.152.118,11	15.873	13
236	01/12/2025	493.787.915.061	31.157.586,14	15.848	(25)
237	02/12/2025	491.769.897.844	31.175.279,14	15.774	(74)
238	03/12/2025	494.450.321.529	31.201.487,64	15.847	73
239	04/12/2025	498.173.636.413	31.182.130,61	15.976	129
240	05/12/2025	500.951.550.971	31.171.215,23	16.071	95
241	08/12/2025	498.936.517.891	31.274.410,57	15.954	(117)
242	09/12/2025	492.909.869.925	31.069.565,81	15.865	(89)
243	10/12/2025	490.634.898.493	31.112.763,61	15.770	(95)
244	11/12/2025	490.790.624.970	31.128.896,01	15.766	(4)
245	12/12/2025	491.408.977.704	31.291.089,88	15.704	(62)
246	15/12/2025	484.487.465.566	31.326.115,55	15.466	(238)
247	16/12/2025	485.818.195.769	31.345.834,94	15.499	33
248	17/12/2025	491.959.659.445	31.375.890,03	15.680	181
249	18/12/2025	490.423.685.920	31.344.305,93	15.646	(34)
250	19/12/2025	490.286.381.937	31.353.653,70	15.637	(9)
251	22/12/2025	491.880.938.821	31.368.036,09	15.681	44
252	23/12/2025	497.095.601.789	31.380.664,51	15.841	160
253	24/12/2025	495.973.877.854	31.355.313,48	15.818	(23)
254	25/12/2025	499.449.600.619	31.484.828,08	15.863	45

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP**

**Báo cáo tài chính**

Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm)
					NAV/CCQ
255	26/12/2025	496.061.880.954	31.503.466,29	15.746	(117)
256	29/12/2025	496.221.292.898	31.520.942,49	15.743	(3)
257	30/12/2025	497.359.963.582	31.463.475,02	15.808	65
258	31/12/2025	498.353.898.163	31.462.230,46	15.840	32
259	01/01/2026	498.932.281.397	31.477.596,86	15.850	10

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm 335.663.890.710

Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ trong năm

- Mức thấp nhất trong năm -

- Mức cao nhất trong năm 856

**22 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH**

	31/12/2025	31/12/2024
	CCQ	CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	31.477.596,86	17.093.836,07

**23 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Các thành viên Ban Đại diện Quỹ	Ban Đại Diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<b>Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ</b>	<b>6.686.801.981</b>	<b>3.620.839.168</b>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	6.042.475.668	3.075.111.202
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	588.514.556	526.538.148
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	55.811.757	19.189.818
<b>Phí ngân hàng</b>	<b>6.841.977</b>	<b>4.823.778</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	6.841.977	4.823.778
<b>Lãi tiền gửi</b>	<b>1.150.679.457</b>	<b>193.117.358</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	1.150.679.457	193.117.358
<b>Mua lại chứng chỉ quỹ</b>	<b>63.990.073.445</b>	<b>8.750.700.000</b>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	63.990.073.445	8.750.700.000
<b>Bán chứng chỉ quỹ</b>	<b>66.440.000.000</b>	<b>8.948.800.000</b>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	66.440.000.000	8.948.800.000
<b>Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:</b>		
	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
<b>Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>253.116.439</b>	<b>2.646.575</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	253.116.439	2.646.575
<b>Phải trả về phí quản lý Quỹ mở</b>	<b>754.954.750</b>	<b>326.709.457</b>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	754.954.750	326.709.457
<b>Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký quỹ</b>	<b>51.490.633</b>	<b>40.686.679</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	51.490.633	40.686.679
<b>Tiền gửi thanh toán và tiền gửi phong tỏa</b>	<b>12.635.584.498</b>	<b>14.728.536.240</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	12.635.584.498	14.728.536.240
<b>Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ</b>	<b>363.095.451</b>	<b>80.685.943</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	363.095.451	80.685.943
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>23.000.000.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	75.000.000.000	23.000.000.000

**Thù lao của Ban Đại diện Quỹ**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thù lao của Ban Đại diện Quỹ	72.000.000	72.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Quỹ đầu tư.

**25 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo thu nhập, Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

**Nguyễn Thị Sao Mai**  
Người lập

**Phạm Thị Thu Hương**  
Phụ trách kế toán



**Giang Trung Kiên**  
Phó Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB  
Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2026

